

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1./ Bà Phan Thị Thiệp.

2./ Ông Y Pép Êban.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hoài – là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026 tại phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1978 - Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: **Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk.**

Bị đơn: Ông **Phan Văn Đ**, sinh năm 1975 - Vắng mặt

Nơi cư trú cuối cùng: **Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà **Lê Thị H** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị H** và ông **Phan Văn Đ** đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk** (nay là **UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk**) vào ngày 20/3/2001. Sau khi về chung sống thì bà **Lê Thị H** và ông **Phan Văn Đ** bất đồng quan điểm sống, thường phát sinh mâu thuẫn cãi vã, xung đột. Đến tháng 5 năm 2019 thì ông **Phan Văn Đ** bỏ nhà đi đâu mãi không về. Bà **Lê Thị H** đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin tuyên bố mất tích đối với ông

Phan Văn Đ. Tại Quyết định số 02/2025/QĐST-VDS ngày 24/02/2025, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin tuyên bố ông **Phan Văn Đ** mất tích từ tháng 5 năm 2019.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nguyên vọng của bà **Lê Thị H** xin được ly hôn với ông **Phan Văn Đ**.

Về con chung: Bà **Lê Thị H** và ông **Phan Văn Đ** có 02 con chung là **Phan Lê Đức M**, sinh ngày 14/02/2002 và **Phan Lê Đức V**, sinh ngày: 02/10/2007, các cháu đã trưởng thành, phát triển bình thường và tự lao động có thu nhập để nuôi sống bản thân, nên bà **Lê Thị H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà **Lê Thị H** được ly hôn với ông **Phan Văn Đ**.

Về con chung: Tính đến nay cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà **Lê Thị H** không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà **Lê Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà **Lê Thị H** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Phan Văn Đ**. Ông **Đ** cư trú cuối cùng tại **Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk**. Đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk.

[2] Về tố tụng: Do ông **Phan Văn Đ** đã bị tuyên bố mất tích nên Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật và xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị H** và ông **Phan Văn Đại tự N** chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk)** vào ngày 20/3/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo lời trình bày của nguyên đơn, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 5 năm 2019 thì ông **Phan Văn Đ** bỏ đi khỏi địa phương, không có tin tức gì. Sau đó, bà **H** đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông **Đ** mất tích và đã được chấp nhận theo Quyết định số 02/2025/QĐST-VDS ngày 24/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*”.

Xét thấy, ông **Phan Văn Đ** đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nay bà **H** yêu cầu ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị H**, cho bà **H** được ly hôn với ông **Phan Văn Đ**.

[4] Về con chung: Bà **Lê Thị H** và ông **Phan Văn Đ** có 02 con chung là **Phan Lê Đức M**, sinh ngày 14/02/2002 và **Phan Lê Đức V**, sinh ngày 02/10/2007 đều đã thành niên, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà **Lê Thị H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phan Văn Đ.

Về con chung: Anh Phan Lê Đức M, sinh ngày 14/02/2002 và anh Phan Lê Đức V, sinh ngày 02/10/2007 hiện nay đều đã thành niên, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004151 ngày 07/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà Lê Thị H, bị đơn ông Phan Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 5- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 5- Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Chu Anh Hùng**

